**Câu 1.** Trong các hoạt động dưới đây, những hoạt động nào tuân thủ nguyên tắc an toàn khi sử dụng điện ?

 **A.** Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống đường điện và các đồ dùng điện.

 **B.** Đến gần nhưng không tiếp xúc với các máy biến thế và lưới điện cao áp.

 **C.** Sửa chữa điện khi chưa ngắt nguồn điện.

 **D.** Chạm tay trực tiếp vào ổ điện, dây điện trần hoặc dây dẫn điện bị hở.

**Câu 2.** Một người chuyển động thẳng có độ dịch chuyển  tại thời điểm  và độ dịch chuyển tại thời điểm  Vận tốc trung bình của vật trong khoảng thời gian từ  đến  là

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 3.** Quỹ đạo chuyển động của vật ném ngang là một

 **A.** đường thẳng. **B.** đường tròn. **C.** đường xoáy ốc. **D.** nhánh parabol.

**Câu 4.** Thả một hòn sỏi từ độ cao  xuống đất. Công thức tính vận tốc của vật khi chạm đất là

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5.** Trong chuyển động thẳng biến đổi đều, gia tốc

 **A.** chỉ thay đổi hướng chứ không thay đổi về độ lớn. **B.** có giá trị bằng 0.

 **C.** là một hằng số khác 0. **D.** có giá trị biến thiên theo thời gian.

**Câu 6.** Đối tượng nghiên cứu của Vật lý là gì?

 **A.** Quy luật tương tác của các dạng năng lượng.

 **B.** Các dạng vận động của vật chất và năng lượng.

 **C.** Quy luật vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

 **D.** Các dạng vận động và tương tác của vật chất.

**Câu 7.** Với a, v là giá trị của gia tốc và vận tốc của một vật chuyển động thẳng chậm dần đều tại một thời điểm. Kết luận nào dưới đây là đúng?

 **A.** a.v = 0. **B.** a.v có thể âm hoặc dương.

 **C.** a.v > 0. **D.** a.v < 0.

**Câu 8.** Chọn câu phát biểu đúng ?

 **A.** Nếu không có lực tác dụng vào vật thì vật không chuyển động.

 **B.** Không cần có lực tác dụng thì vật vẫn chuyển động nhanh dần được.

 **C.** Lực là nguyên nhân làm biến đổi chuyển động của một vật.

 **D.** Lực là nguyên nhân duy trì chuyển động của một vật.***.***

**Câu 9.** Trong chuyển động của vật được ném xiên từ mặt đất thì đại lượng nào sau đây không đổi?

 **A.** Vận tốc của vật. **B.** Gia tốc của vật.

 **C.** Độ cao của vật. **D.** Khoảng cách theo phương nằm ngang từ điểm vật được ném tới vật.

**Câu 10.** Hai lực có độ lớn 8 N và 15 N. Độ lớn hợp lực của hai lực đó có thể là

 **A.** 23 N. **B.** 25 N. **C.** 5 N. **D.** 30 N.

**Câu 11.** Phép đo của một đại lượng Vật lý

 **A.** là những công cụ đo các đại lượng Vật lý như thước, cân…vv.

 **B.** là những sai sót gặp phải khi đo một đại lượng Vật lý.

 **C.** là sai số gặp phải khi dụng cụ đo một đại lương Vật lý.

 **D.** là phép so sánh nó với một đại lượng cùng loại được quy ước làm đơn vị.

**Câu 12.** Một chất điểm chịu tác dụng đồng thời của hai lực  và  thì hợp lực  của chúng luôn có độ lớn thoả mãn hệ thức

 **A.**  **B.** 

 **C.**  **D.** 

**Câu 13.** Cặp đồ thị nào ở hình dưới đây là của chuyển động thẳng đều?



 **A.**  và  **B.**  và  **C.**  và  **D.**  và 

**Câu 14.** Thả một hòn sỏi từ độ cao  xuống đất. Hòn sỏi rơi trong  Nếu thả hòn sỏi từ độ cao  xuống đất thì hòn sỏi sẽ rơi trong bao lâu?

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 15.** Một vật có khối lượng M, được ném ngang với vận tốc ban đầu v0 ở độ cao h. Bỏ qua sức cản của không khí. Thời gian rơi

 **A.** chỉ phụ thuộc vào h. **B.** phụ thuộc vào v0 và h.

 **C.** phụ thuộc vào M, v0 và h. **D.** chỉ phụ thuộc vào M.

**Câu 16.** Một học sinh thực hiện một hành trình trên một đường thẳng như hình vẽ. Hãy chọn kết luận **đúng.**



 **A.** Khi đi từ nhà đến trường quãng đường bằng – 1000 m.

 **B.** Khi đi từ nhà đến trường sau đó quay về siêu thị quãng đường bằng 1200 m.

 **C.** Khi đi từ nhà đến trường độ dịch chuyển bằng – 1000 m.

 **D.** Khi đi từ nhà đến trường sau đó quay về siêu thị độ dịch chuyển bằng -8000 m.

**Câu 17.** Gia tốc là đại lượng đặc trưng cho

 **A.** sự biến đổi vận tốc của vật. **B.** sự biến đổi độ dời của vật.

 **C.** sự nhanh hay chậm của chuyển động. **D.** sự biến đổi của li độ của vật.

**Câu 18.** Cho hai lực đồng quy và  hợp nhau một góc α = 1800. Hợp lực của chúng có độ lớn là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 19.** Kết quả đo đại lượng A được viết dưới dạng Giá trị thực của đại lượng cần đo A nằm trong khoảng

 **A.** từ $\overline{A}-2∆A$ đến $\overline{A}+2∆A.$ **B.** từ đến .

 **C.** từ  đến . **D.** từ $\overline{A}-2A $đến $\overline{A}$.

**Câu 20.** Chuyển động của vật nào sau đây có thể là rơi tự do?

 **A.** Một vận động viên nhảy cầu đang lộn vòng xuống nước

 **B.** Một hòn bi được thả từ trên cao xuống.

 **C.** Một máy bay đang hạ cánh.

 **D.** Một chiếc thang máy đang chuyển động đi xuống.

**Câu 21.** Độ dịch chuyển của một vật là

 **A.** đại lượng vô hướng.

 **B.** đại lượng vecto nối vị tri điểm đầu đến điểm cuối của chuyển động.

 **C.** đại lượng vecto hoặc vô hướng.

 **D.** quỹ đạo chuyển động của vật.

**Câu 22.** Trong các phương trình mô tả vận tốc  của vật theo thời gian  dưới đây, phương trình nào mô tả chuyển động thẳng chậm dần đều?

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 



**Câu 23.** Hình dưới là đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của hai vật chuyển động thẳng cùng hướng. Tỉ lệ tốc độ vA : vB là

 **A.** . **B.** .

**C.** 3: 1. **D.** 1: 3.

**Câu 24.** Khi một ô tô đột ngột phanh gấp thì người ngồi trong xe

 **A.** ngả người về sau. **B.** chúi người về phía trước.

 **C.** ngả người sang bên cạnh. **D.** dừng lại ngay.